



A member of MGI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-07

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013.

Công ty

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
3	Ngô Văn Bình	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011
4	Lê Tăng Đức	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
5	Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011
6	Phạm Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 16/03/2013
7	Ngô Văn Bình	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 16/03/2013

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
2	Ngô Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2007
3	Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2011

Ban kiểm soát

Thành viên ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Trần Công Văn	Trưởng Ban Kiểm Soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Lã Thị Hường	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 16/03/2013
3	Đoàn Trung Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 16/03/2013
4	Đỗ Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 16/03/2013
5	Phạm Hùng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 16/03/2013

Kiểm toán viên

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quyết định số 929/QĐ-UBCK ngày 30/12/2013.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

31074
IGT
KIỂM HƯ
TOÁN
ĐỊNH
Γ NA
IAN-1

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2014





Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 4) 38689 566/88 • Fax: (+84 4) 38686 248 • Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 176/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam lập ngày 11 tháng 02 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 07 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả kiểm toán về tỷ lệ an toàn tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này theo Chuẩn mực kiểm toán số 910 – “*Công tác kiểm toán báo cáo tài chính*”. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2013 không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác kiểm toán bao gồm việc kiểm tra cách lập và tính toán các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Kết quả kiểm toán

Trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



NGUYỄN VIỆT LONG

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0692-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM
ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

TRẦN TRÍ DŨNG

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0895-2014-126-1



I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	161.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ Dự phòng bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
5	Quỹ đầu tư phát triển	271.963.694		
6	Quỹ dự phòng tài chính	271.963.694		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	4.523.380.793		
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		(594.181.476)	8.144.207
1A	Tổng	166.067.308.181	(594.181.476)	8.144.207
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tạo khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		2.539.332.700	
1	Phải thu của khách hàng			
2	Trả trước cho người bán		2.539.332.700	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác		304.303.780	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		294.303.780	
4	Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	
4.1	Tạm ứng			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	
1B	Tổng	-	2.843.636.480	-
C	Tài sản dài hạn			
	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
I	Tài sản cố định		17.196.480.654	
II	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		15.000.000.000	
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tạo khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác		3.904.641.030	

010205
CÔNG
 RÁCH NHỈ
 KIỂM T
 HẨM Đ
 VIỆT
 H XƯA

	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ lại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không tính giảm trừ theo quy định tại điều 5		
1C Tổng		-	36.101.121.684
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C			127.724.875.700

- Đối với tài sản được dùng là tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc cho bên thứ ba (ví dụ như hợp đồng bán có cam kết mua lại mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là bên bán), thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản xác định theo quy định tạo phụ lục 2, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của các nghĩa vụ

- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng (ví dụ như hợp đồng giao dịch ký quỹ, giao dịch mua có cam kết bán lại mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là bên mua): Thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản bảo đảm xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 9, giá trị sổ sách

- Trong đó, giá trị sổ sách là giá trị còn lại của tài sản đảm bảo (trong trường hợp tài sản cố định) tại thời điểm giao kết hợp đồng hoặc giá trị xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán tại thời điểm giao kết hợp đồng (Nếu là loại tài sản khác)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) =(1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	58.931.627.651	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	0	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	0	-
II. Trái phiếu chính phủ				
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	58.703.300	5.870.330
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	347.181.700	52.077.255
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký qua hệ thống upcom	20%	1.407.200	281.440
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu kỳ, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%		-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	18.491.020.000	9.245.510.000
V. Chứng Chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
VII. Các tài sản khác				
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	22.100.000.000	17.680.000.000
VIII. Rủi ro tăng thêm				
		Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
			-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				26.983.739.025

1074
 G T Y
 M H U U
 O A N
 I N H
 N A I
 N - T

B. RỦI RO THANH TOÁN

LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	Giá trị rủi ro							Tổng giá trị
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)								-
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)								
I. Tổng các chi phí hoạt động								26.205.312.703
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí								4.890.900.000
1 Chi phí khấu hao								5.005.928.356
2 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn								(142.307.813)
3 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn								
4 Dự phòng phải thu khó đòi								27.279.457
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)								21.314.412.703
IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ(III=I-II)								5.328.603.176
V. 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán								32.200.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max { IV,V})								32.200.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)								59.183.739.025

Ghi chú:

Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính Phủ bảo lãnh , Bộ tài chính bảo lãnh , Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

(1) phổ thuộc Trung Ương:

(2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung Tâm lưu ký Chứng Khoán

Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở

(3) các nước thuộc khối OECD

Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập

(4) ngoài các nước thuộc khối OECD

Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng , tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập

(5) và hoạt động tại Việt Nam

(6) Giá trị rủi ro thanh toán với Tập Đoàn Nhà Nước, Tổng Công ty Nhà Nước, Doanh Nghiệp nhà nước

(7) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

III. BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro / Vốn khả dụng	Ghi chú nếu có
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	26.983.739.025	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	32.200.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	59.183.739.025	
5.	Vốn khả dụng	127.724.875.700	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	216%	

Kế toán trưởng

Bùi Quang Kỳ

Trưởng bộ phận
kiểm soát

Lê Thị Hương



Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2014

Tổng giám đốc

Đoàn Ngọc Hoàn